TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-4-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Vũ Đương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Xuân Hiền**

2. Ông **Lương Hùng Dũng**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Giai Thoại** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2025 giữa các bên đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Cẩm T**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số G ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông **Đỗ Văn M**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số G ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Cẩm T trình bày:

Bà và ông Đỗ Văn M quen biết nhau thông qua mai mối, có thời gian tìm hiểu sau đó phát sinh tình cảm và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Ô, thành phố Cần Thơ (nay là xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ) vào ngày 25/12/2002. Sau khi kết hôn, bà và ông M chung sống hạnh phúc với nhau nhiều năm. Tuy nhiên, khoảng vài năm gần đây thì cả hai lại phát

sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tích cách không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Hơn nữa, việc bà sống chung cùng gia đình chồng không được tốt do cha chồng của bà thường xuyên đuổi bà đi ra khỏi nhà, chồng bà lại không quan tâm đến bà. Mặc dù bà đã cố gắng và tìm biện pháp để hàn gắn nhưng không thành. Thấy rằng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Đỗ Văn M.

- Về con chung: Có 02 con chung là Đỗ Thị Bích H, sinh năm 1997 và Đỗ Nhựt Q, sinh năm 2001 đều đã trưởng thành, tự chăm lo cho bản thân được nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày liên quan đến vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có cơ sở để xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Trong khi đó, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật quy định về vấn đề đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, bà T và ông M chỉ chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không còn hợp nhau nên thường xuyên cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Xét thấy, mối quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông M có 02 con chung là Đỗ Thị Bích H, sinh năm 1997 và Đỗ Nhựt Q, sinh năm 2001 đều đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp mối quan hệ này thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

[3.4] Về nợ chung: Nguyên đơn xác định không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp mối quan hệ này thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị Cẩm T được ly hôn với ông Đỗ Văn M.

- Về con chung: Có 02 con chung đều đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp mối quan hệ này thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

- Về nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp các mối quan hệ này thì các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định chung.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng. Chuyển số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005276 ngày 15/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- CCTHADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thới Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Vũ Đương